

SƠ ĐỒ EPC — CATALOGUE PHỤ TÙNG

BỘ PHỤ TÙNG F - 34  
CATALOGUE CHẮN BÙN SAU  
HONDA REBEL 1100 (2023)

Sơ đồ EPC · CATALOGUE REBEL 1100 (2023) · Dùng cho  
HONDA REBEL 1100 (2023)

Sơ đồ online:

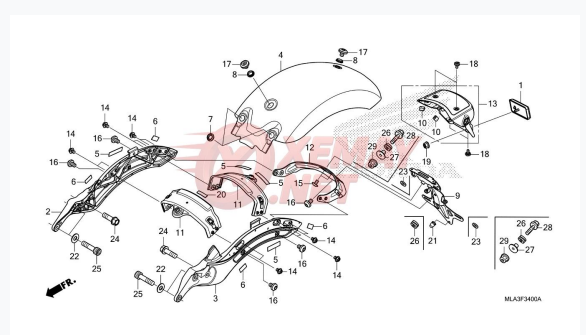
<https://wiki.dov.vn/epc/bo-phu-tung-f-34-catalogue-chan-bun-sau-honda-rebel-1100-2023--EPCDOV0005248> — mở link hoặc quét QR bên phải để xem sơ đồ tương tác, click từng phụ tùng để có giá + tồn kho.

Thống kê nhanh

|                                  |                            |                              |
|----------------------------------|----------------------------|------------------------------|
| Tổng số phụ<br>tùng: 30 chi tiết | Có giá tham<br>khảo: 30/30 | Tổng giá trị:<br>35,465,124đ |
|----------------------------------|----------------------------|------------------------------|

\* Số lượng và giá tham khảo tại thời điểm cập nhật (05/08/2026). Giá có thể thay đổi — vui lòng liên hệ để có giá thực tế.

EPC · BỘ PHỤ TÙNG F - 34 CATALOGUE  
CHẮN BÙN SAU HONDA REBEL 1100 (2023)



|               |                             |
|---------------|-----------------------------|
| Mã EPC        | EPCDOV0005248               |
| Thương hiệu   | HONDA                       |
| Dòng xe       | REBEL 1100                  |
| Năm SX        | 2023                        |
| Loại hệ thống | FRAME                       |
| Danh mục      | CATALOGUE REBEL 1100 (2023) |
| Số phụ tùng   | 30 chi tiết                 |
| Tổng giá trị  | 35,465,124đ                 |



Quét xem sơ đồ online

Danh sách phụ tùng chi tiết (30 phụ tùng)

Các phụ tùng đơn lẻ thuộc sơ đồ EPC **BỘ PHỤ TÙNG F - 34 CATALOGUE CHẮN BÙN SAU HONDA REBEL 1100 (2023)**:

| # | Tên phụ tùng                                                                                                                           | Mã SKU        | SL | Giá lẻ     |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|----|------------|
| 1 | Tấm phản quang phải sau 33741-MS6-921 HONDA CB 250, DREAM 110, FUTURE 125, LEAD 125, REBEL 1100, SH 125, SH 150, VARIO 160, VISION 110 | 33741MS6921   | 1  | 39,178đ    |
| 2 | Khung sau phải *NH105* 50241-MLA-A00ZA HONDA REBEL 1100                                                                                | 50241MLAA00ZA | 1  | 5,389,460đ |
| 3 | Khung sau trái *NH105* 50246-MLA-A00ZA HONDA REBEL 1100                                                                                | 50246MLAA00ZA | 1  | 5,430,129đ |
| 4 | Chắn bùn sau *NHC52* 80100-MLA-A00ZC HONDA REBEL 1100                                                                                  | 80100MLAA00ZC | 1  | 9,204,422đ |
| 4 | Chắn bùn sau *YR347* 80100-MLA-A00ZD HONDA REBEL 1100                                                                                  | 80100MLAA00ZD | 1  | 9,879,168đ |
| 5 | Cao su chắn bùn sau 80102-K87-A00 HONDA REBEL 1100, REBEL 300, REBEL 500                                                               | 80102K87A00   | 1  | 37,733đ    |

| #  | Tên phụ tùng                                                                  | Mã SKU                       | SL | Giá lẻ     |
|----|-------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|----|------------|
| 6  | Cao su gia cường khung sau 80102-MLA-A00 HONDA REBEL 1100                     | <a href="#">80102MLAA00</a>  | 1  | 61,819đ    |
| 7  | Cao su đèn hậu 80103-K87-A00 HONDA REBEL 1100, REBEL 300, REBEL 500           | <a href="#">80103K87A00</a>  | 1  | 37,535đ    |
| 8  | Bạc đệm chắn bùn sau 80109-MLA-A00 HONDA REBEL 1100                           | <a href="#">80109MLAA00</a>  | 1  | 99,235đ    |
| 9  | Giá đỡ chắn bùn sau A 80115-MLA-A00 HONDA REBEL 1100                          | <a href="#">80115MLAA00</a>  | 1  | 891,467đ   |
| 10 | Cao su ốp bảo vệ 80119-MGE-300 HONDA CB 650, REBEL 1100, REBEL 300, REBEL 500 | <a href="#">80119MGE300</a>  | 1  | 73,205đ    |
| 11 | Thanh giằng A khung sau 80125-MLA-A00 HONDA REBEL 1100                        | <a href="#">80125MLAA00</a>  | 1  | 1,176,150đ |
| 12 | Thanh giằng B khung sau 80135-MLA-A00 HONDA REBEL 1100                        | <a href="#">80135MLAA00</a>  | 1  | 1,361,601đ |
| 13 | Chắn bùn sau A 80150-MLA-A00 HONDA REBEL 1100                                 | <a href="#">80150MLAA00</a>  | 1  | 1,044,974đ |
| 14 | Bu lông 6X8 90026-GHB-600 HONDA REBEL 1100                                    | <a href="#">90026GHB600</a>  | 1  | 53,968đ    |
| 15 | Vít 6x10 90106-GBB-710 HONDA CB 500, REBEL 1100                               | <a href="#">90106GBB710</a>  | 1  | 36,008đ    |
| 16 | Bu lông 8x12 90109-K87-A00 HONDA REBEL 1100, REBEL 300, REBEL 500             | <a href="#">90109K87A00</a>  | 1  | 36,008đ    |
| 17 | Bu lông 8x9 90109-MLA-A00 HONDA REBEL 1100                                    | <a href="#">90109MLAA00</a>  | 1  | 67,875đ    |
| 18 | Bu lông 5x10 90138-K87-A30 HONDA REBEL 1100, REBEL 300, REBEL 500             | <a href="#">90138K87A30</a>  | 1  | 61,306đ    |
| 19 | Đai ốc 5mm 90301-MG8-000 HONDA CB 1000, REBEL 1100, SH 125                    | <a href="#">90301MG8000</a>  | 1  | 61,306đ    |
| 20 | Cao su 90311-H06-000 HONDA REBEL 1100                                         | <a href="#">90311H06000</a>  | 1  | 22,107đ    |
| 21 | Núm cao su hình côn 90899-422-610 HONDA SH, VISION, WAVE                      | <a href="#">90899422610</a>  | 1  | 10,854đ    |
| 22 | Vòng đệm 10mm 94101-10700 HONDA REBEL 300                                     | <a href="#">9410110700</a>   | 1  | 36,008đ    |
| 23 | Vòng đệm 6mm 94103-06800 HONDA MSX 125                                        | <a href="#">9410306800</a>   | 1  | 28,941đ    |
| 24 | Bu lông 10x32 95701-100-3207 HONDA                                            | <a href="#">957011003207</a> | 1  | 30,705đ    |
| 25 | Bu lông 10x40 96700-100-4007 HONDA                                            | <a href="#">967001004007</a> | 1  | 51,720đ    |
| 26 | Đệm cao su giảm chấn giá đặt lọc gió 17245-107-010 HONDA MSX 125              | <a href="#">17245107010</a>  | 1  | 75,240đ    |
| 27 | Bạc đệm chắn bùn trước 61104-428-010 HONDA CB500F                             | <a href="#">61104428010</a>  | 1  | 78,087đ    |
| 28 | Bu lông 6x25 90030-GHB-680 HONDA REBEL 1100                                   | <a href="#">90030GHB680</a>  | 1  | 74,443đ    |
| 29 | Đai ốc 6mm 94050-06070 HONDA LEAD, SPACY                                      | <a href="#">9405006070</a>   | 1  | 14,472đ    |

\* Danh sách được tạo tự động từ hệ thống [DOV Panel](#) — hiển thị tối đa 200 phụ tùng đầu tiên.

## Tìm kiếm liên quan

[Tất cả phụ tùng HONDA](#) · [Phụ tùng REBEL 1100](#) · [Tất cả sơ đồ EPC](#)

## Hướng dẫn tra cứu

### Cách sử dụng sơ đồ EPC:

1. Xác định vị trí phụ tùng cần thay trên xe.
2. Đối chiếu với ảnh sơ đồ EPC ở trên — mỗi phụ tùng có số thứ tự (STT).
3. Tra STT trong bảng bên trên để lấy **Mã SKU** chính xác.
4. Cung cấp mã SKU cho cửa hàng hoặc tra cứu online tại <https://wiki.dov.vn/epc/bo-phu-tung-f-34-catalogue-chan-bun-sau-honda-rebel-1100-2023--EPCDOV0005248> để biết giá và nơi bán.

### Trích dẫn tài liệu này

#### APA (7th ed.):

DOV Wiki Phụ Tùng. (2026). Sơ đồ EPC: BỘ PHỤ TÙNG F - 34 CATALOGUE CHỖ BÀN SAU HONDA REBEL 1100 (2023) (EPCDOV0005248). Truy cập ngày 05/08/2026, từ <https://wiki.dov.vn/epc/bo-phu-tung-f-34-catalogue-chan-bun-sau-honda-rebel-1100-2023--EPCDOV0005248>

#### MLA (9th ed.):

"Sơ đồ EPC: BỘ PHỤ TÙNG F - 34 CATALOGUE CHỖ BÀN SAU HONDA REBEL 1100 (2023) (EPCDOV0005248)." *DOV Wiki Phụ Tùng*, 2026-08-05, <https://wiki.dov.vn/epc/bo-phu-tung-f-34-catalogue-chan-bun-sau-honda-rebel-1100-2023--EPCDOV0005248>. Truy cập 05/08/2026.

#### Chicago (17th ed.):

DOV Wiki Phụ Tùng. "Sơ đồ EPC: BỘ PHỤ TÙNG F - 34 CATALOGUE CHỖ BÀN SAU HONDA REBEL 1100 (2023) (EPCDOV0005248)." Cập nhật 2026-08-05. <https://wiki.dov.vn/epc/bo-phu-tung-f-34-catalogue-chan-bun-sau-honda-rebel-1100-2023--EPCDOV0005248>.

### Tài liệu này

Sơ đồ EPC: BỘ PHỤ TÙNG F - 34 CATALOGUE  
CHỖ BÀN SAU HONDA REBEL 1100 (2023)  
(EPCDOV0005248)

**Cập nhật lần cuối**  
05/08/2026

Dữ liệu sơ đồ EPC từ <https://panel.dov.vn>. Tài liệu tự sinh — không thay thế sơ đồ EPC chính thức từ nhà sản xuất.